

Số: 35/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 18 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời
lòng đường, hệ phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền Quyết định của
HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và
lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương.*

*Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí
sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời
lòng đường, hệ phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời hè phố vào mục đích kinh doanh, buôn bán nhỏ và hoạt động khác tại các tuyến đường có tổ chức thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời một phần hè phố phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời một phần lòng đường để trông giữ xe tại các tuyến đường có tổ chức thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để kinh doanh dịch vụ tại một số tuyến đường phục vụ phố đi bộ, chợ đêm trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và thị xã Sông Cầu.

d) Các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.

Điều 2. Đối tượng miễn, giảm phí

1. Đối tượng miễn phí

a) Xe chữa cháy đang làm nhiệm vụ; xe quân sự, xe công an đang làm nhiệm vụ; xe cứu thương đang làm nhiệm vụ và các loại xe khác chở người đến nơi cấp cứu; xe làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định của pháp luật; các xe đang phục vụ các hoạt động cộng đồng được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

b) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng hè phố khi tổ chức đám tang và điếm trông giữ xe phục vụ đám tang; tổ chức đám cưới và điếm trông giữ xe phục vụ đám cưới.

2. Đối tượng giảm 50% mức thu phí

Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Cơ quan thu phí và căn cứ tính phí

1. Cơ quan thu phí

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa, huyện Tuy An, huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh.

2. Căn cứ tính phí

Là diện tích hè phố, lòng đường và thời gian được thể hiện trên giấy phép sử dụng tạm thời hè phố do Ủy ban nhân dân: thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa, huyện Tuy An, huyện Sơn Hoà và huyện Sông Hinh cấp.

Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí được quy định chi tiết trong Phụ lục I, II, III, IV, V, VI kèm theo.

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

Cơ quan tổ chức thu phí được để lại 20% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; nộp 80% số tiền phí thu được vào ngân

sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Các nội dung khác không quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hè phố trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Mười Hai thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

PHỤ LỤC I
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TUY HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

DVT: đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố không thường xuyên, không có định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	- Vị trí 1	20.000	40.000	15.000	30.000	14.000	28.000	5.000
2	- Vị trí 2	16.000	32.000	13.000	26.000	11.000	22.000	4.000
3	- Vị trí 3	14.000	28.000	13.000	26.000	10.000	20.000	4.000
4	- Vị trí 4	12.000	24.000	13.000	26.000	9.000	18.000	4.000
5	- Vị trí 5	11.000	22.000	11.000	22.000	8.000	8.000	2.000

- Vị trí 1 gồm các tuyến đường: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hùng Vương, Điện Biên Phủ, Trần Phú, Lê Duẩn, Độc Lập và Bạch Đằng.

- Vị trí 2 gồm các tuyến đường: Nguyễn Thái Học, Lương Văn Chánh, Duy Tân, Nguyễn Du, Trường Chinh, Lê Thánh Tôn, Phan Đình Phùng, Thành Thái, Mậu Thân (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú), Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Phan Lưu Thanh, Nguyễn Văn Cừ, Lương Tấn Thịnh, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hào Sứ, Nguyễn Hữu Thọ và Nguyễn Văn Linh.

- Vị trí 3 gồm các tuyến đường: Lê Trung Kiên, Cao Thắng, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Trung Trực, Phan Bội Châu, Tân Đà, Nguyễn Công Trứ, Chu Mạnh Trinh, Yersin, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Trần Cao Vân, Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Lý Tự Trọng, Đồng Khởi, Nguyễn Thị Minh Khai, Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Mai Xuân Thưởng, Lý Thường Kiệt, Lương Thế Vinh, Võ Thị Sáu, Trần Kiệt, Lý Thái Tổ và Đinh Tiên Hoàng.

- Vị trí 4 gồm các tuyến đường: Trần Quang Diệu, Đào Tấn, Hoàng Văn Thụ, Hà Huy Tập, Càn Vương, Huyền Trân Công Chúa, Nguyễn Tường Tô, Trần Nhật Duật, An Dương Vương, Trần Hào, Lạc Long Quân và Phan Chu Trinh;

- Vị trí 5 gồm các tuyến đường còn lại trên địa bàn thành phố.

PHỤ LỤC II
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SÔNG CẦU

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phân đất bên trong hệ phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phân đất bên trong hệ phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố không thường xuyên, không cố định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vị trí 1	15.000	30.000	15.000	30.000	10.000	20.000	5.000
2	Vị trí 2	13.000	26.000	13.000	26.000	8.500	17.000	4.000
3	Vị trí 3	11.000	22.000	13.000	26.000	7.000	14.000	4.000

- Vị trí 1 gồm:

+ Các tuyến đường: Võ Thị Sáu, Lê Lợi, Hùng Vương, Phan Đình Phùng, Trần Hưng Đạo, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, 1 Tháng 4, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, đường quy hoạch 4-5 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến giáp đường Trần Phú) và đường quy hoạch 6-5 (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường 1 Tháng 4).

+ Các điểm: Điểm phía tây Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, điểm Công viên chợ giáp đường Phạm Văn Đồng, điểm phía Đông Bưu điện thị xã, điểm Công viên phía Bắc thị xã.

- Vị trí 2 gồm các tuyến đường: Đoàn Thị Điểm, Lê Hồng Phong, Lê Thành Phương, Hoàng Hoa Thám, Ngô Quyền, Phan Bội Châu, Bùi Thị Xuân, Kim Đồng, Hai Bà Trưng, Lương Văn Chánh và Nguyễn Hồng Sơn (cách đường Phạm Văn Đồng 10m).

- Vị trí 3 gồm các tuyến đường: Mạc Đình Chi, Ngô Mây, Tô Hiến Thành, Hồng Bàng, Âu Cơ, Lạc Long Quân, Trần Quốc Toản, Triệu Thị Trinh và đường quy hoạch 2-3 (đoạn từ đường 1 Tháng 4 đến giáp đường Lê Duẩn) và các tuyến đường còn lại trên địa bàn thị xã Sông Cầu

PHỤ LỤC III
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ TRÊN
ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hệ phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hệ phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố không thường xuyên, không cố định
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vị trí 1	15.000	30.000	15.000	30.000	10.000	20.000	5.000
2	Vị trí 2	13.000	26.000	13.000	26.000	8.500	17.000	4.000
3	Vị trí 3	11.000	22.000	13.000	26.000	7.000	14.000	4.000

- Vị trí 1 gồm các tuyến đường: Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Thị Minh Khai, Lý Thường Kiệt và Trần Hưng Đạo
- Vị trí 2 gồm các tuyến đường: Lê Trung Kiên, Đỗ Như Dạy, Lê Lợi, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập và Lê Duẩn.
- Vị trí 3 gồm các tuyến đường còn lại trên địa bàn thị xã Đông Hòa.

PHỤ LỤC IV
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY AN

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND, ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố không thường xuyên, không cố định
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vị trí 1	15.000	30.000	15.000	30.000	7.500	15.000	5.000
2	Vị trí 2	11.000	22.000	11.000	22.000	5.000	10.000	3.000
3	Vị trí 3	8.000	16.000	11.000	22.000	4.000	8.000	3.000
4	Vị trí 4	7.000	14.000	8.000	16.000	3.000	6.000	2.000

- Vị trí 1: Tuyến đường Quốc lộ 1 (đoạn qua thị trấn Chí Thạnh).
- Vị trí 2 gồm các tuyến đường Lê Thành Phương và Trần Phú.
- Vị trí 3 gồm các tuyến đường: Hải Dương, Ngân Sơn - Chí Thạnh và Võ Trứ.
- Vị trí 4: Tuyến đường Trần Rịa.

PHỤ LỤC V
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN HOÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

DVT: Đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố không thường xuyên, không cố định
1	Vị trí 1	2.000	4.000	3.000	6.000	1.000	2.000	1.000
2	Vị trí 2	1.500	3.000	2.500	5.000	1.000	2.000	1.000
3	Vị trí 3	1.000	2.000	2.000	4.000	1.000	2.000	1.000

- Vị trí 1: Tuyến đường Trần Phú (thị trấn Củng Sơn).
- Vị trí 2 gồm các tuyến đường: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Chí Thanh, Lê Lợi, 24/3 và đường Trần Phú nối dài (xã Suối Bạc).
- Vị trí 3 gồm các tuyến đường: Võ Thị Sáu, Hùng Vương và Hai Bà Trưng

PHỤ LỤC VI
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÔNG HÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: đồng/m²/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố thường xuyên, không có định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Vị trí 1	2.000	4.000	3.000	6.000	1.000	2.000	1.000
2	Vị trí 2	1.500	3.000	2.500	5.000	1.000	2.000	1.000

- Vị trí 1 gồm các tuyến đường: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi.

- Vị trí 2 gồm các tuyến đường: Bà Triệu, Hoàng Văn Thụ, Hai Bà Trưng, Trần Phú, Nguyễn Huệ, Lương Văn Chánh, Hồ Xuân Hương và Nguyễn Công Trứ